

## **BÁO CÁO**

### **Giám sát và đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng đầu năm 2019**

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN**

##### **1. Các văn bản đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2019**

Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Sửa đổi một số nội dung của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh.

##### **2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư**

Đối với Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Điều chỉnh định mức kinh phí tổ chức thực hiện và thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho phù hợp với thực tiễn khi Nhà nước thu hồi đất để đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình.

#### **II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH**

##### **1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý**

Năm 2019, tỉnh phân bổ khoản kinh phí là 30 tỷ đồng để thực hiện các đồ án quy hoạch, nhưng đến nay chưa phân khai chi tiết.

- Về Quy hoạch phát triển KT-XH: Đã hoàn chỉnh Quy hoạch Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các huyện, thành phố trong năm 2012. Hiện nay, tỉnh đang rà soát điều chỉnh một số quy hoạch Phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố cho phù hợp với tình hình mới và triển khai công tác lập Quy hoạch vùng các huyện trên địa bàn.

- Về Quy hoạch xây dựng: Một số quy hoạch xây dựng được triển khai mới trong 6 tháng đầu năm 2019 như: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu

đô thị mới Nam Trường Chinh, Quy hoạch chi tiết Khu Cảng cá và Dịch vụ hậu cần nghề cá Tịnh Kỳ, Quy hoạch chi tiết Khu đô thị - dịch vụ VSIP Quảng Ngãi - Giai đoạn 1B ... Trong 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nghĩa Đông, thành phố Quảng Ngãi; Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030 để thực hiện các dự án Khu dân cư; Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Bàu Giang, tỉnh Quảng Ngãi...

- Về Quy hoạch sử dụng đất, phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu: Tỉnh tập trung chỉ đạo phê duyệt các quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, quy hoạch ngành, sản phẩm chủ yếu để có cơ sở triển khai thực hiện theo quy hoạch đã duyệt. Trong 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã phê duyệt một số quy hoạch như: Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viễn thông Quảng Ngãi đến năm 2020; Quy hoạch ngành Văn thư, Lưu trữ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ...

## **2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định**

Công tác thiết kế đô thị và quản lý kiến trúc đô thị từng bước được chú trọng như cấp chứng chỉ quy hoạch, tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc, thiết kế đô thị; đồng thời thành lập các Đoàn kiểm tra, giám sát hoạt động quy hoạch, cấp Giấy phép xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh.

Về xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị: Đây là cơ sở pháp lý, công cụ để các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức công dân thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch nhất là các khu đô thị chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định hiện hành. Nhìn chung, về công tác quản lý quy hoạch được nâng cao từ các văn bản pháp lý đến chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ liên quan đến vấn đề quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng, thủ tục cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng tại các đô thị.

## **3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết**

### **a) Các vướng mắc chính**

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết tại một số đô thị triển khai thực hiện còn chậm. Bên cạnh đó, việc tổ chức lập và khớp nối quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị đến tỷ lệ 1/500 trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức. Việc lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chủ yếu thực hiện tương đối tốt ở các đô thị lớn (thành phố Quảng Ngãi, Dung Quất, thị trấn Đức Phổ, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn); tại các đô thị khác, công tác này chủ yếu chỉ thực hiện theo những dự án đơn lẻ, quy mô nhỏ.

- Một số đồ án quy hoạch được lập, phê duyệt chưa gắn liền với nguồn lực thực hiện; không xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo quy hoạch hợp

lý; thiếu biện pháp chế tài hoặc xử lý cương quyết đối với các chủ đầu tư yếu kém năng lực, chậm trễ trong việc thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch.

**b) Kiến nghị các biện pháp giải quyết**

- Tổ chức lập và khớp nối quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, tăng tỉ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị, đặc biệt là các khu chức năng quan trọng của đô thị.

- Đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị; tổ chức lập, phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc cho tất cả các đô thị nhằm phục vụ công tác quản lý có hiệu quả hơn.

- Các đồ án quy hoạch đã phê duyệt phải được rà soát định kỳ, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo quy hoạch hợp lý; kịp thời phát hiện các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai để có giải pháp điều chỉnh mang tính chất bao quát, dài hạn nhằm giải quyết triệt để những tồn tại.

- Tăng cường công tác tham vấn cộng đồng để cộng đồng dân cư tham gia trong quá trình lập quy hoạch, nhất là các đồ án quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang đô thị, công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo việc triển khai thực hiện công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

### **III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ**

#### **1. Về kế hoạch vốn được giao**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2019 do tỉnh quản lý là 5.289,44 tỷ đồng, gồm: ngân sách địa phương là 3.823 tỷ đồng (trong đó: vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức là 3.063 tỷ đồng; vốn xổ số kiến thiết là 85 tỷ đồng; vốn quỹ đất là 675 tỷ đồng); vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 1.466,44 tỷ đồng (trong đó, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 652,936 tỷ đồng, vốn Chương trình mục tiêu là 503,29 tỷ đồng, vốn TPCP là 150 tỷ đồng và vốn ODA là 160,214 tỷ đồng).

#### **2. Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ**

Tổng giá trị khối lượng thực hiện ước tính trong 6 tháng đầu năm 2019 là 1.753 tỷ đồng (đạt 33% kế hoạch năm); trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương có khối lượng thực hiện là 1.397 tỷ đồng, bằng 37% kế hoạch năm. Trong đó: Vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức là 1.135,40 tỷ đồng, bằng 37% kế hoạch năm; vốn quỹ đất 224,70 tỷ đồng, bằng 33% kế hoạch năm; vốn xổ số kiến thiết là 36,90 tỷ đồng, bằng 43% kế hoạch năm.

- Vốn ngân sách Trung ương có khối lượng thực hiện là 356,286 tỷ đồng, bằng 32% kế hoạch năm. Trong đó: Vốn Chương trình MTQG là 205,393 tỷ đồng, bằng 31% kế hoạch năm; vốn Chương trình mục tiêu là 105,891 tỷ đồng, bằng 30% kế hoạch năm; vốn ODA là 45 tỷ đồng, bằng 45%.

### **3. Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ**

Tổng số vốn đã giải ngân trong 6 tháng đầu năm 2019 theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước tính đến ngày 30/6/2019 là 1.753 tỷ đồng (đạt 33% kế hoạch năm), trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương có khối lượng thực hiện là 1.397 tỷ đồng, bằng 37% kế hoạch năm. Trong đó: Vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức là 1.135,40 tỷ đồng, bằng 37% kế hoạch năm; vốn quỹ đất 224,70 tỷ đồng, bằng 33% kế hoạch năm; vốn xổ số kiến thiết là 36,90 tỷ đồng, bằng 43% kế hoạch năm.

- Vốn ngân sách Trung ương có khối lượng thực hiện là 356,286 tỷ đồng, bằng 32% kế hoạch năm. Trong đó: Vốn Chương trình MTQG là 205,393 tỷ đồng, bằng 31% kế hoạch năm; vốn Chương trình mục tiêu là 105,891 tỷ đồng, bằng 30% kế hoạch năm; vốn ODA là 45 tỷ đồng, bằng 45%.

### **4. Tình hình nợ đọng vốn đầu tư**

Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*Luật Đầu tư công có hiệu lực từ ngày 01/01/2015: Không cho phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản*):

Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp khắc phục nợ đọng xây dựng cơ bản, trong 2 năm 2015-2016, tỉnh Quảng Ngãi đã ưu tiên bố trí vốn để xử lý các khoản nợ đọng trong xây dựng cơ bản từ năm 2014 về trước. Đồng thời, chỉ đạo các ngành, cách địa phương quán triệt chủ trương không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh thời điểm 31/12/2014 là 808,7 tỷ đồng; trong đó, vốn NSTW là 124,5 tỷ đồng, vốn NS tỉnh là 71,5 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện, xã là 584,2 tỷ đồng và các nguồn vốn khác là 28,5 tỷ đồng.

Đến nay, số nợ đọng XDCB của tỉnh và trung ương tính đến 31/12/2014 đã được xử lý xong; còn lại chủ yếu là số nợ đọng XDCB của cấp huyện, xã.

## **IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG**

### **1. Chương trình mục tiêu**

Các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu:

Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019 là 503,290 tỷ đồng, bố trí hoàn ứng 105,961 tỷ đồng, còn lại 397,329 tỷ đồng bố trí thực hiện 10 Chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương; trong đó, bố trí vốn cho 14 dự án chuyển tiếp và 2 dự án khởi công mới.

Hiện nay, các dự án chuyển tiếp đang được chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, dự kiến đến cuối năm 2019 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án là: (1) Cảng Bến Đình; (2) Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn giai đoạn 2;

(3) Xây dựng đường giao thông trục chính nổi trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường. Đối với 02 dự án khởi công mới (Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1 và Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi) đang hoàn chỉnh thủ tục để tiến hành khởi công.

Trong kỳ, khối lượng thực hiện và giải ngân vốn Chương trình mục tiêu là 105,891 tỷ đồng, bằng 30% kế hoạch năm.

## **2. Chương trình mục tiêu quốc gia**

Kế hoạch vốn được giao trong 6 tháng đầu năm 2019 của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia là 652,936 tỷ đồng; trong đó, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới là 283 tỷ đồng và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững là 369,936 tỷ đồng.

Trong kỳ khối lượng thực hiện và giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 205,393 tỷ đồng, bằng 31% kế hoạch năm.

## **3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.**

Nguồn lực của nhà nước đầu tư trực tiếp cho chương trình mục tiêu quốc gia chưa đáp ứng nhu cầu các địa phương. Việc huy động vốn trong dân, trong cộng đồng dân cư và của doanh nghiệp cho xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn.

Việc áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ có những thuận lợi nhất định trong việc rút ngắn thời gian và tiết kiệm kinh phí đầu tư xây dựng, giải quyết nhu cầu lao động tại địa phương; tuy nhiên, do năng lực về máy móc, thiết bị, nguồn vốn của tổ đội ở thôn, xã còn hạn chế nên số lượng các dự án áp dụng cơ chế đặc thù rất ít.

Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ chưa hướng dẫn cụ thể các chi phí thuộc gói thầu xây lắp được thực hiện theo hình thức tham gia của cộng đồng, do đó địa phương gặp khó khăn trong việc thanh quyết toán công trình. Vì vậy, để có cơ sở thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước, kính đề nghị Trung ương quan tâm hướng dẫn và cho ý kiến về việc thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành được thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng (quy định tại Điều 7, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP), đối với các loại chi phí nêu trên.

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh hoàn thành các nhiệm vụ, tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, kiến nghị: Chính phủ sớm ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định số 161/2016/NĐ-CP theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 và các vướng mắc đã nêu trên, để các địa phương thuận lợi trong vận dụng và triển khai các nhiệm vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

## **V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

### **1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư**

Công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các luật khác liên quan và các văn bản hướng dẫn dưới luật. Trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh đã thẩm định 151 chủ trương đầu tư và phê duyệt 146 chủ trương đầu tư.

### **2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư**

Công tác lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng, các luật khác liên quan và các văn bản hướng dẫn dưới luật. Trong 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh Quảng Ngãi đã thẩm định 249 dự án và phê duyệt 259 dự án (một số dự án được thẩm định cuối năm 2018, nhưng quyết định đầu tư vào đầu năm 2019).

### **3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán**

Công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán cơ bản tuân thủ đúng quy định của Luật Xây dựng, các luật khác liên quan và các văn bản hướng dẫn dưới luật.

### **4. Tình hình thực hiện các dự án**

a) Việc quản lý thực hiện dự án: Trong quá trình thực hiện dự án, hầu hết các dự án đều được các chủ đầu tư lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện. Quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư đều tuân thủ theo kế hoạch tiến độ được duyệt, trừ một số trường hợp đặc biệt như thay đổi thiết kế, chậm đền bù GPMB ... làm chậm tiến độ thực hiện dự án, được chủ đầu tư điều chỉnh lại kế hoạch thực hiện cho phù hợp.

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cơ bản đảm bảo theo tiến độ được ký kết giữa chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn, thi công xây dựng công trình.

- Khối lượng giá trị thực hiện và giải ngân của các dự án sử dụng vốn nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2019 tính đến ngày 30/6/2019 là 1.753 tỷ đồng (đạt 33% kế hoạch năm).

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, việc giải ngân tạm ứng, thu hồi tạm ứng được thực hiện theo đúng quy định.

- Quyết toán vốn dự án hoàn thành: Công tác quyết toán dự án hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2019 được tiếp tục đẩy mạnh, hầu hết các dự án đều được tổ chức quyết toán đúng thời gian quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán 259 dự án.

- Nợ đọng xây dựng cơ bản và việc xử lý: Hiện nay, khối lượng nợ đọng

XDCB phần vốn ngân sách tỉnh đã được xử lý dứt điểm. Đối với số nợ của các huyện, thành phố, UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố xây dựng lộ trình trả nợ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của cấp huyện, thành phố.

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu:

Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của Ban quản lý dự án và các nhà thầu cơ bản đảm bảo quy định. Trong năm 2016 tỉnh đã sắp xếp, thành lập mới các Ban Quản lý dự án xây dựng chuyên ngành theo quy định của Luật Xây dựng và hoàn thành vào cuối năm 2016, đến nay các Ban Quản lý dự án xây dựng chuyên ngành đã đi vào hoạt động.

đ) Khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền:

Các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án chủ yếu là do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chậm; trách nhiệm một số chủ đầu tư chưa cao,... Để khắc phục tình trạng trên, tỉnh đã chỉ đạo tăng cường một số quy định như trước khi triển khai thực hiện phải cơ bản hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; lựa chọn tổ chức tư vấn, nhà thầu thi công đủ năng lực;...

#### **5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành**

Các dự án hoàn thành đưa vào khai thác, vận hành đều đáp ứng mục tiêu đầu tư của dự án; trong kỳ báo cáo chưa phát hiện dự án nào đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật hoặc không có hiệu quả.

#### **6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết**

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng hiện nay chậm, vì phải phê duyệt theo giá thực tế. Mặc dù tỉnh đã ban hành quy định về vấn đề này nhưng việc bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều vướng mắc, kéo dài.

### **VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

Tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 về trình tự thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để hướng dẫn các nhà đầu tư hiểu rõ và thực hiện đúng trình tự đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đồng thời, tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 hướng dẫn thanh toán bằng quỹ đất đối với dự án BT.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh Quảng Ngãi chưa có dự án được triển khai thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tính đến 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã phê duyệt 3 đề xuất dự án đầu tư theo hình thức BT, trong đó có 2 dự án đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư nhưng chưa ký

hợp đồng do đang chờ Trung ương sửa đổi các quy định pháp luật về PPP.

Ngày 25/04/2019, tỉnh có Công văn số 2041/UBND-KT về việc tạm dừng việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao chờ hướng dẫn mới của Chính Phủ.

## **VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC**

### **1. Đăng ký, thẩm tra, cấp và điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư**

- Công tác thẩm định trình cấp Quyết định chủ trương đầu tư; kiểm tra cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cơ bản tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh đã cấp mới tổng cộng 68 dự án đầu tư (tăng 4 dự án so với cùng kỳ 2018) với tổng vốn đăng ký 16.315 tỷ đồng, trong đó có 02 dự án FDI với vốn đăng ký 372 tỷ đồng, tương đương 28 triệu USD, 66 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 15.943 tỷ đồng; điều chỉnh 37 dự án (04 dự án FDI), trong đó có 04 dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư 882 tỷ đồng, 01 dự án điều chỉnh giảm vốn đầu tư 04 tỷ đồng.

- Số vốn đã được giải ngân trong 6 tháng đầu năm 2018 là 13.000 tỷ đồng (bằng 198% so với cùng kỳ 2018); trong đó, dự án FDI giải ngân khoảng 3.000 tỷ đồng (132 triệu USD), dự án đầu tư trong nước giải ngân khoảng 10.000 tỷ đồng.

#### *\* Đánh giá chung:*

Số dự án thu hút trong 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm 2018 (tăng 04 dự án); tổng vốn đăng ký đầu tư là 16.315 tỷ đồng, tăng 2,2 lần so với cùng kỳ năm 2018 (7.139 tỷ đồng). Tình hình thực hiện dự án đầu tư tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2018 (tăng 6.420 tỷ đồng) do các dự án được cấp năm 2018 thực hiện khởi công đầu tư trong 6 tháng 2019.

#### *\* Lũy kế đến 30/6/2019:*

- Số dự án còn hiệu lực: 640 dự án, tổng vốn đăng ký 292.092 tỷ đồng; trong đó: 63 dự án FDI, tổng vốn đăng ký 39.492 tỷ đồng, tương đương 1.789,8 triệu USD. Trong đó:

+ Khu Kinh tế Dung Quất: 218 dự án, tổng vốn đăng ký 243.885 tỷ đồng (FDI 48 DA – 35.916 tỷ đồng).

+ Các Khu công nghiệp tỉnh: 105 dự án, tổng vốn đăng ký 7.208 tỷ đồng. (FDI 09 DA – 1.672 tỷ đồng).

+ Ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh: 317 dự án, tổng vốn đăng ký 40.998 tỷ đồng. (FDI 06 DA – 1.903 tỷ đồng).

- Vốn thực hiện lũy kế đến 30/6/2019: 147.096 tỷ đồng (FDI: 20.243 tỷ đồng, đầu tư trong nước 126.853 tỷ đồng).



- Lũy kế số dự án đi vào hoạt động: 302 dự án; trong đó: Khu Kinh tế 95 dự án (FDI 20 DA), Khu công nghiệp 82 dự án (FDI 06 DA), ngoài Khu Kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh 125 dự án (FDI 05 DA).

- Số dự án đang triển khai: 321 dự án; trong đó, Khu Kinh tế 118 dự án (FDI 25 DA), Khu công nghiệp 20 dự án (FDI 03 DA), ngoài Khu Kinh tế và Khu công nghiệp 183 dự án (FDI 01 DA).

- Số dự án đang dừng triển khai/dừng hoạt động: 17 dự án; trong, đó Khu Kinh tế 05 dự án (FDI 03 DA), Khu công nghiệp 03 dự án, ngoài Khu Kinh tế và Khu công nghiệp 09 dự án.

## **2. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án**

Trong số các dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có một số dự án đã triển khai xây dựng và đi vào hoạt động đảm bảo tiến độ và mục tiêu dự án đã đăng ký. Tuy nhiên, có một số dự án do mất thời gian để hoàn chỉnh các thủ tục về đất đai và môi trường theo quy định, đặc biệt là nhiều dự án bị vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để dự án được tiếp tục triển khai xây dựng.

## **3. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, góp vốn pháp định**

Đa số tiến độ góp vốn đầu tư của các dự án thực hiện đảm bảo tiến độ. Tuy nhiên, có một số dự án một vẫn còn chậm trễ trong việc góp vốn thực hiện dự án. Nguyên nhân là do bối cảnh kinh tế trong nước cũng như thị trường đầu tư bất động sản gặp nhiều khó khăn, một số nhà đầu tư chưa nắm rõ các thông tin về đất đai, về giá thuê đất... nên chần chừ, chậm đầu tư vì phải tính toán lại hiệu quả đầu tư.

## **4. Tình hình khai thác, vận hành dự án**

Trong 6 tháng đầu năm 2019, có 12 dự án đầu tư trong nước đi vào hoạt động. Về nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, hiện các doanh nghiệp đang trong giai đoạn hưởng ưu đãi nên đóng góp vào ngân sách chưa cao.

## **5. Việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định**

Các doanh nghiệp trước khi đi vào hoạt động chính thức đều hoàn thành các thủ tục về môi trường theo quy định của nhà nước; sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản đảm bảo theo quy định.

## **6. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

Các doanh nghiệp thực hiện đảm bảo các nội dung quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp.

## **7. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án**

## **thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Các dự án có ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đều thực hiện đảm bảo yêu cầu điều kiện về ngành, nghề kinh doanh.

### **8. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư 6 tháng đầu năm 2019**

#### a) Về ban hành cơ chế chính sách:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh chưa ban hành chính sách về ưu đãi đầu tư mới.

#### b) Tình hình thực hiện:

- Việc thực hiện các ưu đãi theo quy định của Chính phủ, cơ quan Thuế là đơn vị trực tiếp xem xét, quyết định.

- Về hỗ trợ: Trong kỳ, chưa thực hiện ưu đãi cho dự án đầu tư nào, một số dự án đang làm thủ tục và sẽ được hưởng ưu đãi trong thời gian đến.

### **9. Các vướng mắc chính và kiến nghị biện pháp giải quyết**

#### a) Các vướng mắc chính

- Công tác đền bù, GPMB và tái định cư (đối với các dự án có tái định cư) quá khó khăn, phức tạp; thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp quyền sử dụng đất được thực hiện qua nhiều công đoạn, liên quan đến nhiều cấp, ngành, nhà đầu tư mất rất nhiều thời gian cho để hoàn thành thủ tục này. Nguyên nhân này tập trung chủ yếu vào các dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm công nghiệp.

- Công tác cải cách hành chính đã có nhiều cải thiện nhưng nhà đầu tư vẫn chưa thực sự hài lòng; sự phối hợp giữa các Sở, ban ngành để hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục theo quy định chưa hiệu quả, cần tiếp tục cải thiện.

- Công tác định hướng trong đầu tư chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến có những lĩnh vực đầu tư có quá nhiều nhà đầu tư, tạo ra cạnh tranh và khó khăn trong hoạt động.

#### b) Kiến nghị biện pháp giải quyết

- Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện vấn đề và có giải pháp tháo gỡ vướng mắc kịp thời. Trước tiên, tập trung giải quyết các vướng mắc về bồi thường, GPMB, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, xây dựng quy trình thủ tục đầu tư công khai, minh bạch.

- Tiếp tục cải cách hành chính, tăng cường sự phối kết hợp giữa các Sở, ban ngành để hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục theo quy định cũng như phối hợp trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tăng cường giám sát việc thực thi nhiệm vụ trong các cơ quan Nhà nước; kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, không có khả năng đầu tư để lành

manh hóa môi trường đầu tư.

- Cần nghiên cứu, hoàn chỉnh các quy hoạch và định hướng trong hoạt động đầu tư, cung cấp thông tin cần thiết, hữu ích cho nhà đầu tư khi khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư vào tỉnh.

## **VIII. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo**

Số dự án các chủ đầu tư báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ là 1.645 dự án trên tổng số 1.876 dự án (bằng 87%). Đối với báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2019 các đơn vị đã khắc phục được một số tồn tại so với trước, tuy vẫn còn chậm, số liệu còn sai sót phải chỉnh sửa nhiều lần, chưa đầy đủ, thiếu số liệu....

### **2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo**

Trong kỳ, công tác báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư có tiến bộ so với trước. Tuy nhiên, do các địa phương, đơn vị trong tỉnh nhân sự bố trí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư còn có tính chất kiêm nhiệm, biến động thường xuyên do thường luân chuyển, thay đổi nên tính chuyên nghiệp chưa cao, các sai sót như trong các kỳ báo cáo trước vẫn còn tồn tại, ít được khắc phục.

### **3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ**

Trong 6 tháng đầu năm 2019, tỉnh đã tổ chức kiểm tra một số dự án do tỉnh quyết định đầu tư; HĐND tỉnh cũng đã tổ chức giám sát tình hình đầu tư của một số dự án trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, đánh giá đã kịp thời chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nâng cao chất lượng công trình cũng như chấn chỉnh thiếu sót trong thủ tục đầu tư xây dựng.

Trong năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh phê duyệt Kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư trực tiếp 18 dự án thuộc 9 đơn vị, gồm: Đường vào đập tràn Vực Bà và Thủy lợi Đồng Sông do UBND huyện Bình Sơn làm chủ đầu tư; Đường Đ9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới và Đường N9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới do UBND huyện Sơn Tịnh làm chủ đầu tư; Đường Bà Giang–Nghĩa Hành và Đường Nghĩa Phương–Nghĩa Mỹ do UBND huyện Tư Nghĩa làm chủ đầu tư; Hệ thống tiêu nước nội các xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng và Đường chợ Lâm Thượng–Biển Đạm Thủy Nam (giai đoạn 2) do UBND huyện Mộ Đức làm chủ đầu tư; Tuyến đường ĐH.417 Phổ Ninh–Ba Khâm và Nâng cấp đường ĐH.44 Đức Phổ–Km7 (Quốc lộ 24) do UBND huyện Đức Phổ làm chủ đầu tư; Đường Ba Chùa–Hành Tín Đông và Trụ sở làm việc UBND xã Ba Trang do UBND huyện Ba Tư làm chủ đầu tư; Đường tránh lũ Hành Tín Đông–Hành Thiện–Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành và Cầu Bàu Trai do UBND huyện Nghĩa Hành làm chủ đầu tư; Cầu sông Phước Giang và

Đường bờ hữu sông Phước Giang do UBND huyện Minh Long làm chủ đầu tư; Đường ĐH 72 (đoạn Sơn Cao-Sơn Kỳ) và Đường Sơn Thượng-Sơn Tinh do UBND huyện Sơn Hà làm chủ đầu tư.

#### **4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án trong kỳ tiếp theo**

Trong 6 tháng cuối năm 2019, tỉnh sẽ tổ chức kiểm tra, đánh giá một số dự án ở địa phương trong tỉnh; UBND tỉnh cũng có kế hoạch kiểm tra, đánh giá riêng. Riêng Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh sẽ tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư trực tiếp các dự án thuộc các đơn vị đã được phê duyệt.

#### **5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ**

Nhìn chung, công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ đã được các chủ đầu tư quan tâm hơn nên các dự án được giám sát, đánh giá cũng nhiều hơn so với cùng kỳ năm trước. Kết quả giám sát, đánh giá các dự án để khẳng định hiệu quả đầu tư của các dự án sau đầu tư, để thấy được các dự án cấp bách trên địa bàn tỉnh cần đầu tư trước, phát huy tối đa hiệu quả, đồng thời chưa đầu tư các dự án mang lại hiệu quả đầu tư thấp.

Tuy nhiên, vẫn còn một ít chủ đầu tư chưa thực hiện nghiêm túc công tác này; mặt khác, việc phân công người theo dõi, phụ trách công tác giám sát đánh giá đầu tư ở các địa phương thường thay đổi nên việc báo cáo, tổng hợp số liệu tính chuyên nghiệp chưa cao. Trong thời gian tới, sẽ tiếp tục chỉ đạo nâng cao hơn nữa công tác này.

#### **6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư; các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết**

Các chỉ đạo của cấp trên sau giám sát đều được các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc.

### **IX. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Theo quy định của Luật Đầu tư công thì hồ sơ chủ trương đầu tư chủ yếu là các xác định sơ bộ và thành phần hồ sơ đơn giản nên đề nghị sửa đổi nội dung thẩm định chủ trương đầu tư đơn giản hơn; ban hành mẫu thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.

2. Đề nghị ban hành luật về PPP và sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật hướng dẫn tập trung và cụ thể hơn; bổ sung Nghị định về quản lý chi phí đối với dự án PPP, trong đó xem xét tăng đối tượng thanh toán cho dự án BT, hướng dẫn rõ hơn thanh toán bằng quỹ đất,...; xem xét đối với chức năng thực hiện công tác thẩm định dự án PPP nên thực hiện tương tự như dự án đầu tư công; tăng hạn mức thực hiện sơ tuyến quốc tế;...

3. Bổ sung thêm khung pháp lý để nâng cao hơn hiệu quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư; đề nghị bỏ quy định báo cáo 6 tháng; có hướng dẫn về việc thuê tư vấn thực hiện công tác đánh giá đầu tư.

4. Nghiên cứu ban hành mẫu hồ sơ mời thầu qua mạng có nội dung đơn giản hơn (vì nhiều nội dung thực tế không cần thiết) để tiến đến đấu thầu qua mạng cho tất cả gói thầu, kể cả gói thầu có quy mô lớn. Trước mắt, cần quy định gói thầu có giá trị hạng mức nào trở xuống thì phải thực hiện đấu thầu qua mạng 100% để dễ thực hiện và đảm bảo quy định.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành Trung ương./.

**Nơi nhận :**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VPUB: C,PVP, TH, CBTH;
- Lưu VT, P.THptth222.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Căng**



3	Vốn vay								
3.1	Vốn đầu tư công								
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác	177.873	0	0	65.000	36,50	65.000	36,50	0
1	Vốn trong nước	30.000	0	0	10.000	33,33	10.000	33,33	0
2	Vốn nước ngoài	147.873	0	0	55.000	37,10	55.000	37,10	0
IV	Tổng cộng	183.162	0	0	66.754	36,40	66.754	36,40	1,28
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)	5.289	-	-	1.754	33	1.754	33	1,28
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1+ III.3.2)	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Vốn khác	177.873	0	0	65.000	36,50	65.000	36,50	0
	- Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)	30.000	0	0	10.000	33,33	10.000	33,33	0
	- Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)	147.873	0	0	55.000	37,10	55.000	37,10	0

**Phụ lục 02**

**Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>CTMTQG</b>	<b>CTMT</b>	<b>CTMTĐP</b>
<b>I</b>	<b>Chủ chương trình</b>			
1	Số lượng	2	10	
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)	652,936	503,290	
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)	205,393	105,891	
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	205,393	105,891	
<b>II</b>	<b>Chủ dự án thành phần</b>			
1	Số lượng	3		
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)	369,936		
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)	69,323		
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	69,323		
<b>III</b>	<b>Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình</b>			
1	Số lượng	14		
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)	369,936		
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)	69,323		
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	69,323		



Phụ biểu 03

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án đầu tư công				ĐA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC				
		Dự án sử dụng NSTW				TPCP	ODA	NSDP	Vốn ĐTC khác					
		Tổng số	A	B	C						Tổng số	A	B	C
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
I	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>													
1	Chủ trương đầu tư													
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ	273		10	263	52		6	46	2		219		
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ	151		10	141	52		6	46	2		97		
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ	146		4	142	49		3	46	2		95		
2	Quyết định đầu tư													
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ	251		10	241	28			28		1	222		
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ	249		4	245	27			27			222		
c	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ	259		2	257	27			27			232		
II	<b>Thực hiện đầu tư</b>													
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	1.876		51	1.825	673		20	653	7	4	1.169	14	9
a	Số dự án chuyển tiếp	999		43	956	269		18	251	5	2	716	6	1
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ	877		8	869	404		2	402	2	2	453	8	8

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	1.645		49	1.596	510		19	491	5	7	1.100	14	9
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)													
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ	400			400	34			34			366		
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ													
a	Không phù hợp với quy hoạch													
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền													
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án													
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)													
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)	32			32							32		
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện (tỷ đồng)	28,47			28,47							28,47		
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định (tỷ đồng)	1,28			1,28							1,28		

1	2	3	4	5	3	10	8	9	10	11		12	14	15
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	38		11	27	4		1	3		3	31		
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư													
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	23		9	14	1		1			1	21		
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu	6		1	5	2			2			4		
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời													
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác	9		1	8	1			1		2	6		
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	30		7	23	3		2	1		1	26		
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư	7			7							7		
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư													
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư	20		6	14	3		2	1			17		
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác	3		1	2						1	2		
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau													
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	785		22	763	408		6	402	4	2	355	8	8
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	2.157		78	2.079	896		21	875	18	5	1.198	27	13



**PHỤ BIỂU 04**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ**  
**CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN KHÁC**

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư	68	0	2	0	0	66	0
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư	68	0	2	0	0	66	0
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư) trong kỳ	68	0	2	0	0	66	0
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ	37	0	4	0	0	33	0
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
	-Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư)	68	0	2	0	0	66	0
	-Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư)	0	0	0	0	0	0	0
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư còn hiệu lực	292.092		39.492	0	0	252.600	0
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư							
	- Dự án đăng ký mới	16.315	0	372	0	0	15.943	0
	- Dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư	4	0	1	0	0	3	0
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):							

a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện	147.096	0	20.243	0	0	126.853	0
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	13.000	0	3.000	0	0	10.000	0
	- Vốn chủ sở hữu	5.000	0	500	0	0	2.000	0
	- Vốn vay	8.000	0	2.500	0	0	8.000	0
	- Vốn huy động hợp pháp khác	0	0	0	0	0	0	0
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ	11	0	1	0	0	10	0
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ	11	0	1	0	0	10	0
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	11	0	1	0	0	10	0
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ	12	0	4	0	0	5	3
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ	12	0	4	0	0	5	3
a	Số dự án có lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)	-	-	-	-	-	-	-